

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2023/HNGĐST
Ngày 29 - 8 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Nam
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 724/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị L, sinh năm 1990 (có đơn xét xử vắng mặt).

HKTT: Ấp ST, xã BTĐ, Huyện GR, tỉnh KG.

Tạm trú: Ấp LS, xã BT, Huyện Gr, tỉnh KG.

- Bị đơn: Anh Trần Triệu S, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ST, xã BTĐ, Huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2022, nguyên đơn chị Thị L trình bày: Chị L và anh Trần Triệu S chung sống vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàn Tân Định, Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/3/2013. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị và anh S hạnh phúc được

thời gian đầu, nhưng dần về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi dẫn đến mất dần tình cảm hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không phù hợp tính tình nên sống không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù vì gia đình chị đã nhiều lần khuyên anh S thay đổi nhưng không thành, nên chị và anh S đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay chị L xét thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Triệu S.

Về con chung: Chị L xác định có hai người con chung Trần Triệu K, sinh ngày 26/7/2014 và Trần Triệu H, sinh ngày 21/12/2018, hiện hai con đang sống cùng với chị, chị tiếp tục yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Triệu S đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh S không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Trần Triệu S thông qua thủ tục niêm tục công khai được quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự đến để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn đã được niêm yết theo quy định nhưng vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Thị L được ly hôn với anh Trần Triệu S.

Về con chung chị L xác định có hai người con chung gồm Trần Triệu K, sinh ngày 26/7/2014 và Trần Triệu H, sinh ngày 21/12/2018, khi chị và anh S sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con, nay chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh S vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu. Đề

ngợi Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng, do chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Trần Triệu S với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp ST, xã BTĐ, Hện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Hện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo thủ tục niêm yết công khai cho bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Thị L với anh Trần Triệu S là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Tân Định, Hện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân, dẫn đến ly hôn chị L cho rằng giữa chị và anh S thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tình tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ hơn 03 năm nay. Nay chị L xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị và anh S không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Trần Triệu S Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng anh S không có mặt và không có ý kiến phản hồi việc ly hôn của chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng

gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh S và cả hai đã sống ly thân. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương nơi đăng ký kết hôn xác định chị L và anh S hiện không còn sống chung. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của chị L được ly hôn với anh S là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị L xác định chị và anh S có với nhau hai người con Trần Triệu K, sinh ngày 26/7/2014 và Trần Triệu H, sinh ngày 21/12/2018, hiện các cháu đang sống cùng với chị, nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của Luật hôn nhân và đình vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng anh S đều vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con và cũng không đưa ra được chứng cứ chị L không đảm bảo việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Để giữ ổn định và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con và phù hợp với nguyện của cháu K có nguyện vọng được ở mẹ khi cha mẹ ly hôn, nghị nên tiếp tục giao con cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Thị L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị L được ly hôn với anh Trần Triệu S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Triệu K, sinh ngày 26/7/2014 và Trần Triệu H, sinh ngày 21/12/2018, cho chị Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Trần triệu S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu nên không xem xét.

Cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Anh Trần Triệu S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003298 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Thị L, anh Trần Triệu S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Hện Giồng Riềng;
- CCTHADS Hện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên